

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24-11-2017

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hải

2. Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 427/2017/TLST-HNGĐ, ngày 05/10/2017, về việc “Tranh chấp về Hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thanh S, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: Số nhà 189, tổ 12, ấp Đông H, xã Tân Thuận Đ, thành phố C L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Lê Hữu Thanh Ph, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Số nhà 844/1, đường Cái Sao, tổ 18, khóm 2, phường A, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đặng Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh P kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố CL (Giấy chứng nhận kết hôn số 104, ngày 13/9/2010). Thời gian vợ chồng sống chung không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh P không quan tâm, chăm sóc vợ con. Ngoài ra, anh P thường xuyên uống rượu, chị S nhiều lần

khuyên can nhưng không được, ngược lại còn bạo lực gia đình, đánh đập và đe dọa chị S mỗi khi anh P uống rượu. Hơn nữa, giữa chị S và gia đình bên chồng không được hòa thuận, xảy ra nhiều mâu thuẫn, không nói chuyện với nhau. Nay chị Đặng Thanh S yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hữu Thanh P.

Về con chung: Chị S và anh P có 02 con chung tên Lê Hữu Minh Nhựt, sinh ngày 18/4/2011 và Lê Hữu Minh Khuê, sinh ngày 08/7/2013. Hai con chung đang sống chung với chị S. Chị S yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng/01con đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên hoà giải và tại phiên toà chị S trình bày: Hai con chung đang sống với anh P. Chị S yêu cầu được nuôi bé Lê Hữu Minh Khuê, sinh ngày 08/7/2013, chị S không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi bé Khuê. Chị S đồng ý anh P được tiếp tục nuôi bé Lê Hữu Minh Nhựt, sinh ngày 18/4/2011, chị S không tự nguyện cấp dưỡng nuôi bé Minh Nhựt.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh Lê Hữu Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P thống nhất theo lời trình bày của chị S về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được. Nay anh Lê Hữu Thanh P đồng ý ly hôn với chị Đặng Thanh S.

Về con chung: Anh và chị S có 02 con chung tên Lê Hữu Minh Nhựt, sinh ngày 18/4/2011 và Lê Hữu Minh Khuê, sinh ngày 08/7/2013. Hai con chung đang sống với anh P. Anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà, các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đặng Thanh S có đơn yêu cầu ly hôn với anh Lê Hữu Thanh P và anh P đồng ý ly hôn với chị S. Do đó, Tòa

án xác định đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình ly hôn được quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn cư trú tại phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thanh S và anh Lê Hữu Thanh P kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố CL(Giấy chứng nhận kết hôn số: 104, ngày 13/9/2010) là hôn nhân hợp pháp. Chị Đặng Thanh S yêu cầu ly hôn với anh Lê Hữu Thanh P và anh P đồng ý ly hôn với chị S.

Qua quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Chị S và anh P sống chung có hạnh phúc, nhưng thời gian sau hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc không hàn gắn tình cảm được. Chị S và anh P không còn sống chung từ tháng 9/2017 đến nay, không có hàn gắn tình cảm, cho thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị S và anh P thống nhất thuận tình ly hôn, do đó áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thanh S và anh Lê Hữu Thanh P.

[4] Về con chung: Chị S và anh P thống nhất có 02 con chung tên Lê Hữu Minh Nhựt, sinh ngày 18/4/2011 và Lê Hữu Minh Khuê, sinh ngày 08/7/2013, hai con chung đang sống với anh P.

Tại phiên hoà giải và tại phiên tòa, chị S yêu cầu được nuôi bé Lê Hữu Minh Khuê, sinh ngày 08/7/2013. Chị S đồng ý anh P được tiếp tục nuôi con chung Lê Hữu Minh Nhựt, sinh ngày 18/4/2011. Anh Lê Hữu Thanh P yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung. Anh P không đồng ý giao con chung tên Lê Hữu Minh Khuê cho chị S nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với con chung tên Lê Hữu Minh Nhựt, sinh ngày 18/4/2011, chị S và anh P thống nhất anh P được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Hữu Minh Nhựt, sinh ngày 18/4/2011. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị S và anh P về việc anh P được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Hữu Minh Nhựt, sinh ngày 18/4/2011.

Đối với con chung tên Lê Hữu Minh Khuê, sinh ngày 08/7/2013 chị S và anh P không thỏa thuận được. Theo quy định pháp luật, sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành

niên. Tuy nhiên, qua xem xét Hội đồng xét xử xét thấy việc chị S yêu cầu nuôi 01 con chung tên Lê Hữu Minh Khuê là có căn cứ bởi vì, hiện nay chị S có nghề nghiệp ổn định như mở tiệm uốn tóc, bán mỹ phẩm, quần áo may sẵn, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng (có giấy xác nhận ngày 23/10/2017), cho thấy chị S đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Hơn nữa, bé Minh Khuê hiện nay còn rất nhỏ và lại là nữ giới nên việc giao bé Minh Khuê cho chị S chăm sóc sẽ đảm bảo chu đáo về mọi mặt như trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cũng như sự phát triển về thể chất, tinh thần đặc biệt là vấn đề phát triển tâm sinh lý của bé.

Đối với anh P, mặc dù hiện nay thu nhập hàng tháng của anh P là 9.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Tuy nhiên, theo lời trình bày của anh P tại phiên tòa thì hiện nay anh làm nghề tài xế xe tải, thợ sửa xe ô tô. Sau giờ đi làm về, anh P thường xuyên và về nhà muộn nên việc chăm sóc, đưa đón con đi học do cha mẹ ruột anh làm thay, anh P không thường xuyên trực tiếp chăm sóc con. Mặt khác, như đã phân tích ở trên bé Minh Khuê hiện nay còn rất nhỏ và là nữ giới nên việc giao cho anh P chăm sóc sẽ không đảm bảo chu đáo về mọi mặt, đặc biệt là vấn đề phát triển tâm sinh lý của bé sau này. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy giao bé Minh Khuê cho chị Đặng Thanh S nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu chị Đặng Thanh S được nuôi con chung tên Lê Hữu Minh Khuê, sinh ngày 08/7/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi bé Minh Khuê. Anh P không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi bé Minh Nhựt nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị S và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thanh S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Anh Lê Hữu Thanh P không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; khoản 1 khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thanh S và anh Lê Hữu Thanh P.

Về con chung: Có hai con chung tên Lê Hữu Minh Nhựt, sinh ngày 18/4/2011 và Lê Hữu Minh Khuê, sinh ngày 08/7/2013, hai con chung đang sống với anh P.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Đặng Thanh S và anh Lê Hữu Thanh P, anh P được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Hữu Minh Nhựt, sinh ngày 18/4/2011.

Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thanh S, chị S được nuôi con chung tên Lê Hữu Minh Khuê, sinh ngày 08/7/2013.

Buộc anh Lê Hữu Thanh P giao con chung tên Lê Hữu Minh Khuê, sinh ngày 08/7/2013 cho chị Đặng Thanh S nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi bé Minh Khuê. Anh P không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi bé Minh Nhựt nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Về tài sản chung: Chị S và anh P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí sơ thẩm: Chị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00243, ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị S đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Lê Hữu Thanh P không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Thẩm phán
(Đã ký)
Lê Công Khanh**

“Đề thi hành”

Tp.Cao Lãnh, ngày 26 tháng 12 năm 2017

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Chi Cục THA DS TPCL;
- UBND phường 11, Tp.Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Công Khanh